

Hạ Long, ngày 07 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH
Kiểm tra, đánh giá năm học 2023 - 2024

Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/5/2006 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình GDPT (CT 2006) và Thông tư 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình GDPT (CT 2018);

Căn cứ Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GDĐT về Ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và THPT, thông tư 26/TT - BGDĐT ngày 26/8/2020 của BGD về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh THCS&THPT ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GDĐT;

Căn cứ Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/ 7/ 2021 Quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông của Bộ GDĐT;

Căn cứ Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành qui định về đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Công văn số 2272/SGDĐT-GDPT ngày 21/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh THCS và THPT từ năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Công văn số 2350/SGDĐT-GDPT ngày 28/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023 – 2024; công văn số 1278 /PGDDT ngày 31/8/2023 của Phòng Giáo dục Hạ Long về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023 – 2024.

Trường TH, THCS&THPT Văn Lang xây dựng Kế hoạch kiểm tra, đánh giá năm học 2023 – 2024, như sau:

A. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh để giúp học sinh cải thiện việc học tập và rèn luyện của bản thân trong quá trình học tập, là quá trình tương tác liên tục giữa hoạt động giảng dạy và hoạt động học tập.

- Là cơ sở để giáo viên rút kinh nghiệm, điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

- Giúp học sinh nhận thức, đánh giá rõ năng lực bản thân để xây dựng kế hoạch học tập phù hợp cho từng bộ môn.

2. Yêu cầu

- Kiểm tra, đánh giá (KT, ĐG) không vượt quá yêu cầu cần đạt của môn học được qui định trong chương trình GDPT và các nội dung tinh giản theo hướng dẫn của Bộ GDĐT; đảm bảo đánh giá các môn học phải phù hợp đối tượng và hướng tới phát triển phẩm chất, năng lực HS, phản ánh đúng chất lượng dạy và học.

- Chuẩn bị sẵn sàng điều kiện tiến tới KT, ĐG theo hình thức trực tuyến.

- Tổ chức KT, ĐG đảm bảo công bằng, trung thực, khách quan, vì sự tiến bộ của HS; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của HS.

B. Nội dung thực hiện

I. Các qui định chung về KT, ĐG

1. Thực hiện các yêu cầu về KT, ĐG học sinh theo các văn bản, nội dung hướng dẫn chung:

- Cấp tiểu học (TH): Lớp 1, 2, 3, 4 thực hiện theo TT 27/2020/TT-BGDĐT; lớp 5 thực hiện theo TT 30/2014/TT-BGDĐT và TT 22/2016/TT-BGDĐT; tiếp tục thực hiện theo Công văn số 2952/SGDĐT-GDPT ngày 17/10/2022 V/v triển khai thực hiện Quyết định số 2904/QĐ- BGDĐT ngày 07/10/2022.

- Cấp Trung học (TrH): Lớp 6, 7, 8, 10, 11 thực hiện theo TT 22/2021/TT-BGDĐT và CV số 2406/SGDĐT-GDPT ngày 27/8/2021; lớp 9, 12 thực hiện theo TT 58/2011/TT-BGDĐT và TT 26/2020/TT-BGDĐT; thực hiện theo Công văn 2272/ SGDĐT-GDPT ngày 21/8/2023.

* Đối với một số môn đặc thù ở cấp TrH, thực hiện theo hướng dẫn cụ thể:

Môn Ngữ văn: Tiếp tục thực hiện kiểm tra, đánh giá theo CV số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 và CV số 2447/SGDĐT-GDPT ngày 30/8/2022 đối với khối lớp: 6, 7, 8, 1011; khuyến khích các nhà trường vận dụng nội dung kiểm tra, đánh giá đối với khối lớp 9, lớp 12.

Môn Toán: Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong việc đo lường kết quả học tập của người học bằng các ứng dụng trực tuyến, nhằm mục đích quản lý được mục tiêu nâng cao chất lượng.

Môn Tiếng Anh: Kiểm tra, đánh giá đảm bảo đầy đủ 4 kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu năng lực đầu ra ngoại ngữ của từng cấp học.

Môn Lịch sử: Tăng cường các câu hỏi nhằm khai thác, sử dụng các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ; câu hỏi mở tạo điều kiện cho học sinh biểu đạt chính kiến của mình về các vấn đề lịch sử, hướng tới đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh, để ghi nhớ hiệu quả sự kiện, ngày, tháng, năm, địa điểm, số liệu.

Cụm chuyên đề học tập (THPT): thực hiện theo khoản 3, Điều 6 tại TT 22/2021/TTBGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi nhận vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh thuộc học kì khi kết thúc dạy học cụm chuyên đề học tập.

2. KT, ĐG thường xuyên

2.1. Hình thức:

- Đối với HS lớp 5, 9 và 12 (thực hiện CT 2006): Đánh giá bằng nhận xét KQ học tập đối với các môn học Âm nhạc, Mĩ thuật, Đạo đức, TN và XH, Kỹ thuật, Thể dục, GDQP; kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số đối với các môn học còn lại.

- Đối với HS các lớp còn lại (thực hiện CT 2018): Đánh giá bằng nhận xét KQ học tập đối với các môn học Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật, Đạo đức, TN và XH, GDTC, GDQP và AN, GDĐP (cấp TrH), HĐTN, HN; kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số đối với các môn học còn lại.

- Đánh giá bằng nhận xét về sự hình thành và phát triển PC-NL của HS cấp TH.

- KT, ĐG bằng hình thức trực tuyến ở cấp TrH: tối thiểu 1 lần/ năm học đối với các môn Ngữ văn và KHXH, 2 lần/ năm học đối với các môn Toán, Tiếng Anh và KHTN (GV lưu bài và kết quả kiểm tra của HS 01 năm).

2.2. Số lần KT, ĐG: không giới hạn bởi số điểm KT, ĐG thường xuyên theo qui định. Đối với một môn học, HS có thể được KT, ĐG nhiều lần nhưng GV chỉ chọn số lần điểm KT, ĐG theo đúng quy định ghi vào sổ Theo dõi và đánh giá học sinh để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học (*Phụ lục 1- đính kèm*).

Đối với cụm CD học tập: thực hiện theo hướng dẫn tại CV 2272/SGDDĐT-GDPT ngày 21/8/2023.

2.3. Tổ chức KT, ĐG:

- GVBM chủ động thực hiện theo qui định của từng bộ môn, đảm bảo:

+ Thể hiện rõ nội dung kiểm tra, hình thức kiểm tra trong kế hoạch dạy học (giáo án).

+ Áp dụng nhiều hình thức KT, ĐG để phát huy năng lực, phẩm chất học sinh:

Truyền thống (50%): Đánh giá qua việc học tập của học sinh hàng ngày qua việc ghi chép, qua việc chuẩn bị bài học của mỗi HS trên lớp, ở nhà hoặc thông qua hoạt động nhóm (vấn đáp, viết, thực hành).

Phi truyền thống (50%): Đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, các sản phẩm của học sinh thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm đối với các bộ môn KHTN (Lí, Hóa, Sinh, Công nghệ); thông qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip,...), qua giờ học theo hình thức sân khấu hóa đối với các bộ môn KHXH (Văn, Sử, Địa, GDCD).

GVBM thể hiện cụ thể nội dung KT, ĐG trong KH bài dạy, lưu minh chứng kết quả học tập của HS 01 năm (bài viết, bài trình chiếu, hình ảnh và video của HS, hình ảnh và video GV ghi lại kết quả học tập của HS...).

+ Khi đánh giá bằng điểm số phải thông báo trước cho HS về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho HS tự học, tự chuẩn bị kỹ các nội dung giúp HS nắm được kiến thức cần kiểm tra; đánh giá sản phẩm hoạt động nhóm, dự án của HS cần xác định rõ nhiệm vụ và yêu cầu cần đạt đối với từng HS, đảm bảo đánh giá chính xác kết quả hoạt động của từng cá nhân, không chấm điểm chung cho cả nhóm.

3. KT, ĐG định kì

3.1. Hình thức: như Đánh giá thường xuyên (mục 1.1)

3.2. Số lần KT, ĐG: 4 lần/năm học/môn học, PC, NL (GK1, GK2 và CK 1, CK2) (Phụ lục 1- đính kèm).

3.3. Tổ chức KT, ĐG:

a) Đánh giá định kì: GVBM căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện của HS theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, HĐGD được quy định trong CT GDPT cấp học và sự hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực HS để đánh giá HS vào các thời điểm GK1, GK2 và CK1, CK2.

b) Kiểm tra định kì (đối với các môn học kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số):

- Kiểm tra chung (tổ Khảo thí tổ chức, có KH riêng cho từng kì KT):

Cấp học	Các kì KT	
	KT giữa kì (hệ số 2)	KT cuối kì (hệ số 3)
TrH	9 môn chung (khối 9. 12) 4 môn bắt buộc + 3TC (khối 10,11) 6 môn (khối 6,7,8)	9 môn chung (khối 9. 12) 4 môn bắt buộc + 3TC (khối 10,11) 6 môn (khối 6,7,8)
	<i>hình thức 3 chung</i>	<i>hình thức 2 chung</i>
TH	Toán - Tiếng Việt khối 4,5	T- TV- TA (khối 1 →5) K-S-Đ khối 4,5
	<i>hình thức 3 chung</i>	<i>hình thức 2 chung</i>

- Kiểm tra theo đơn vị lớp: GVBM chủ động kiểm tra các môn học còn lại trước thời gian kiểm tra chung 01 tuần; thực hiện lưu đề kiểm tra trong KH bài dạy và bài làm của HS 01 năm. Lưu ý:

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong CT GDPT trước khi thực hiện.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong CT GDPT. Đề kiểm tra đảm bảo các qui định tại Mục II/2/2.3.

Tỉ trọng (%) Trắc nghiệm - Tự luận trong đề kiểm tra đảm bảo:

Lớp 6,7,8,10,11 (CT GDPT 2018):

Môn học/ thời gian	Hình thức	Lớp 6, 7, 8 Số câu hỏi/kì KT	Lớp 10, 11 Số câu hỏi/kì KT
Công nghệ/45p	Trắc nghiệm	70% (14 câu)	70% (28 câu)
	Tự luận	30% (2 câu)	30% (3 câu)
Tin/45p	Trắc nghiệm	60% (24 câu)	70% (28 câu)
	Tự luận	40% (3 câu)	30% (3 câu)

Lớp 9, 12 (CT 2006):

Môn học/t. gian	Hình thức	Lớp 9 Số câu hỏi/kì KT	Lớp 12 Số câu hỏi/kì KT
Công nghệ/45p	Trắc nghiệm	50% (15 câu)	70% (28 câu)
	Tự luận	50% (5 câu)	30% (4 câu)
	Tự luận	70% (4 câu)	30% (4 câu)
Tin/45p	Trắc nghiệm	50%	70%
	Tự luận	50%	30%
	Ngôn ngữ	12 câu	10 câu
	Đọc	10 câu	10 câu
	Viết	13 câu (10 TL- 3 TN)	6 câu (2 TN, 4TL)

Lớp 1-5:

Môn học/t.gian	Hình thức	Lớp 1, 2 (TC)	Lớp 3, 4, 5 (BB)
Tin - Công nghệ	Trắc nghiệm	40% (4-8 câu)	40% (8-10 câu)
	Thực hành	60%	60%

II. Qui định cụ thể về KT, ĐG định kì đối với các môn kiểm tra chung

1. Lịch kiểm tra

Căn cứ theo lịch học của từng khối lớp: khối 12 từ 17/7/2023; khối 9 từ 07/8/2023; khối các khối lớp còn lại từ 21/8/2023, tổ Khảo thí dự kiến thời gian kiểm tra như sau:

Khối học	Học kì I		Học kì II	
	Giữa kì (tuần 9, K9,12- tuần 10)	Cuối kì (tuần 17)	Giữa kì (tuần 27)	Cuối kì (tuần 34)
Khối 12	Từ 18/9-22/9	Từ 06/11-10/11	Từ 15/01-19/01	Từ 18/3-22/3
Khối 9	Từ 09-12/10	Từ 27/11-01/12	Từ 19/2-23/2	Từ 08-12/4

			(tuần sau Tết)	
Khối 6,7,8,10,11	Từ 16/10-20/10	Từ 11/12-15/12	Từ 04/3 – 08/3	Từ 22/4-26/4
Khối TH	Từ 16/10-20/10 (K4,5)	Từ 11/12-15/12	Từ 04/3 – 08/3 (K4,5)	Từ 22/4-26/4

(Lịch kiểm tra Giữa kì Khối 6,7,8 có thể điều chỉnh chậm 01 tuần về thời gian)

2. Ra đề kiểm tra

2.1. Xây dựng ngân hàng câu hỏi

- TTCM triển khai tới GVBM thực hiện xây dựng câu hỏi theo mạch nội dung kiến thức của môn học thuộc phạm vi kiến thức kiểm tra định kì (GKI, CKI, GKII, CKII), chuyển lên phần mềm quản lí theo đường link:

https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1M_FOOyzH6CFN4Fn_LHYrSvNIFtBVOexZ

- Số lượng câu hỏi: mỗi GV môn Toán, Văn, Anh nộp tối thiểu 5 câu hỏi TN và 2 câu hỏi TL/môn/ khối lớp dạy; GV các môn còn lại nộp tối thiểu 2 câu hỏi TN và 01 câu hỏi TL.

- Nội dung câu hỏi: không được giống hoàn toàn câu hỏi đã sử dụng để kiểm tra ở năm học liền kề trước đó. Câu hỏi phải có hướng dẫn chấm/đáp án kèm theo.

- GVBM hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung câu hỏi và câu trả lời trước khi gửi đề về ngân hàng câu hỏi. Kết quả thực hiện của GV là một căn cứ để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ cuối học kì, năm học.

- TT/NTCM kiểm tra việc thực hiện xây dựng ngân hàng câu hỏi của GV theo từng thời điểm vào các tuần 10, 19, 27 và 36 của năm học.

2.2. Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra

- Trước mỗi kì kiểm tra, PHT khảo thí ra Quyết định phân công GV ra đề kiểm tra. Qui trình ra đề được thực hiện theo Qui định tại Điều 5, Qui chế hoạt động của Tổ khảo thí (*Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-VL ngày /9/2023*). GV ra đề chuyển ma trận, bản đặc tả lên phần mềm quản lí theo đường link nộp đề.

- Số lượng đề:

+ Lớp 12: 4 đề gốc/môn, chọn 3 đề/môn đảo thành 9 mã đề/môn để sử dụng.

+ Lớp 6 – 11: Môn Toán, Văn, Anh soạn 4 đề gốc/môn, chọn 3 đề/môn đảo thành 9 mã đề/môn để sử dụng. Các môn còn lại soạn 3 đề gốc/môn, chọn 2 đề/môn đảo thành 6 mã đề để sử dụng.

+ Lớp 1-5: soạn 4 đề gốc/môn, chọn 2 đề/môn để sử dụng.

- Sau kì kiểm tra, trong vòng 03 ngày các nhóm CM hoàn thành việc tải đề gốc, đề chính thức (sử dụng), hướng dẫn chấm lên daver theo đường link:

https://drive.google.com/drive/folders/1sX_pn99khEmG-akBEPqUuJ2CBjObcrgF

2.3. Quy định về nội dung của đề kiểm tra

- Nội dung đề kiểm tra nằm trong chương trình phổ thông hiện hành và đúng theo ma trận đề, bản đặc tả của Bộ GDĐT .

- Nội dung kiểm tra bảo đảm tính chính xác, câu hỏi rõ ràng, nội dung trong phạm vi kiến thức quy định trong Kế hoạch bài học.

- Điểm phần nội dung kiến thức đã được kiểm tra GK (nếu có) không quá 30% số điểm toàn bài trong đề kiểm tra CK.

* Đối với câu hỏi TN khách quan nhiều lựa chọn: thực hiện theo kỹ thuật ra đề TN của từng bộ môn và chú ý một số lưu ý sau:

- Câu hỏi về những nội dung quan trọng của chương trình.

- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng.

- Câu dẫn, lệnh đề phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể.

- Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa.

- Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi HS.

- Mỗi phương án nhiễu phải hợp lý đối với những HS không nắm vững kiến thức.

- Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi phổ biến hay nhận thức sai lệch của HS.

- Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác.

- Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn.

- Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất.

- Không đưa ra phương án “*Tất cả các đáp án trên đều đúng*” hoặc “*không có phương án nào đúng*”.

** Đối với câu hỏi tự luận:*

- Câu hỏi về nội dung quan trọng của chương trình.

- Câu hỏi phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng.

- Câu hỏi yêu cầu HS phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới.

- Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo.

- Nội dung câu hỏi thể hiện rõ yêu cầu và hướng dẫn cụ thể cách thực hiện yêu cầu đó.

- Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của HS.

- Yêu cầu HS phải hiểu nhiều hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin.

- Ngôn ngữ sử dụng trong câu hỏi phải rõ ràng, trong sáng.

2.4. Quy định về tỉ trọng (%) Trắc nghiệm - Tự luận trong đề kiểm tra định kì

*** Cấp Trung học:**

- Theo chương trình GDPT 2018 của Bộ GDĐT (lớp 6,7,8,10,11)

Môn học/ thời gian	Hình thức	Lớp 6, 7, 8 Số câu hỏi/kì KT	Lớp 10, 11 Số câu hỏi/kì KT
Toán/90p	Trắc nghiệm	70% (28 câu)	70% (35 câu)
	Tự luận	30% (3 câu)	30% (4 câu)
Ngữ Văn/90p (TN+TL)	Đọc hiểu TN	60% (10 câu)	60% (10 câu)
	Làm văn	40% (1 câu)	40% (1 – 2 câu)
	*Ghi chú : Lớp 10, 11 : Bài KT GKII - Tự luận		
KHTN 6-8/60p Lí- Hóa- Sinh/45p/môn	Trắc nghiệm	70% (28 câu)	70% (28 câu)
	Tự luận	30% (3-4 câu)	30% (3-4 câu)
	Tự luận	40% (3 câu)	30% (3 câu)
Lịch sử & Địa lý 6, 7, 8: 60p/môn	Trắc nghiệm	40% (16 câu) Sử 8, Địa 8	
	Tự luận	60% (4 câu) Sử 2, Địa 2	
Lịch sử 10,11: 45p/môn	Trắc nghiệm		70% (28 câu)
	Tự luận		30% (2 câu)

Địa lý 10,11: 45p/môn	Trắc nghiệm		40% (16 câu)
	Tự luận		60% (3 câu)
GD CD/45p	Trắc nghiệm	70% (14 câu)	70% (28 câu)
	Tự luận	30% (2 câu)	30% (2 câu)

- Theo CT GDPT 2006 của Bộ Giáo dục (lớp 9, 12)

Môn học/t. gian	Hình thức	Lớp 9	Lớp 12
Sử/45p/môn	Trắc nghiệm	50% (20 câu)	70% (28 câu)
	Tự luận	50% (2-3 câu)	30% (2 câu)
Địa/45p/môn	Trắc nghiệm	40% (16 câu)	70% (28 câu)
	Tự luận	60% (3 câu)	30% (3 câu)
GD CD/45p	Trắc nghiệm	30% (12 câu)	70% (28 câu)
	Tự luận	70% (3 câu)	30% (2câu)
Lí, Hóa,Sinh /45p/môn	Trắc nghiệm	50% (15 câu)	70% (28 câu)
	Tự luận	50% (4 câu)	30% (4 câu)
Toán/90p	Trắc nghiệm	30% (12 câu)	70% (35 câu)
	Tự luận	70% (4 câu)	30% (4 câu)
Ngữ văn	Đọc hiểu (tự luận)	30% (4 câu)	30% (4 câu)
	Làm văn (tự luận)	70% (2 câu)	70% (2 câu)
T Anh/45p	Nghe	8 câu	10 câu
	Ngôn ngữ	12 câu	10 câu
	Đọc	10 câu	10 câu
	Viết	13 câu (10 TL- 3 TN)	6 câu (2 TN, 4TL)

*** Cấp Tiểu học**

Môn học/t.gian	Hình thức	Lớp 1,2,3	Lớp 4, 5
Toán/40p – Tiếng Việt (viết)	Trắc nghiệm	60% (6 câu)	60% (6 câu)
	Tự luận	40% (4 câu)	40% (4 câu)
	Thực hành	60%	60%
Khoa - Sử - Địa	Trắc nghiệm		60% (6 câu)
	Tự luận		40% (4câu)

Môn Tiếng Việt chia 2 phần viết và đọc:

Môn học	Nội dung	Lớp 1 (HKII)	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt	Chính tả	6 điểm (15p)	6 điểm (15p)	6 điểm (15p)		2 điểm (15p)
	TLV	4 điểm (25p)	4 điểm (25p)	4 điểm (25p)	10 điểm (25p)	8 điểm (35p)
	Đọc hiểu	3 điểm	3 điểm	3 điểm	7 điểm	7 điểm

		(20p)	(20p)	(20p)	(30p)	(35p)
	Đọc tiếng	7 điểm (1p/HS)	7 điểm (1p/HS)	7 điểm (1p/HS)	3 điểm (1p/HS)	3 điểm (1p/HS)

Ghi chú: Lớp 1, kì 1 chưa có chính tả. KT TV gồm Viết (40 phút) – Đọc thành tiếng (1p/HS)

*** Đối với môn Tiếng Anh:**

- Cấp Trung học, kiểm tra giữa kì:

Kĩ năng	Lớp 6, 7, 8/ 60p-50 câu		Lớp 9/ 45p- 40 câu		Lớp 10, 11/60p- 45 câu, 1 bài viết		Lớp 12 45p- 36 câu, 1 bài viết	
	TN-8đ	TL-2đ	TN-8đ	TL-2đ	TN-8đ	TL-2đ	TN- 8đ	TL-2đ
Nghe	12 câu (2,4 đ)		8 câu (2 đ)		10 câu (2 đ)		10 câu (2.5 đ)	
Ngôn ngữ	13 câu (2,6 đ)		12 câu (3 đ)		20 (4 đ)		10 câu (2.5 đ)	
Đọc	12 câu (2,4 đ)		10 câu (2.5 đ)		10 (2 đ)		10 câu (2.5 đ)	
Viết	3 câu (0,6 đ)	10 câu (2,0 đ)	2 câu (0.5 đ)	8 câu (2 đ)	5 câu TL (1đ) 1 bài viết (1đ)		2 câu (0.5đ)	4 câu (1đ) 1bài viết (1đ)

- Cấp Trung học, kiểm tra cuối kì: thêm kĩ năng nói (2đ)

Kĩ năng	Lớp 6, 7, 8/ 60p-50 câu		Lớp 9/ 45p- 40 câu		Lớp 10, 11/ 60p-45 câu, 1 bài viết		Lớp 12 45p- 28câu, 1 bài viết	
	TN-6đ	TL-2đ	TL- 1.4đ	TN- 6.6đ	TN-6 đ	TL-2đ	TN-6.5đ	TL-1.5đ
Nghe	10 câu (2đ)			10 câu (2đ)	10 (1,5 đ)		8 câu (2đ)	
Ngôn ngữ	20 câu (2đ)		2 câu (0.4đ)	11 câu (2.2đ)	20 (3 đ)		8 câu (2đ)	
Đọc	10 câu (2đ)			10 câu (2.0đ)	10 (1,5 đ)		8 câu (2đ)	
Viết		10 câu (2,0 đ)	5 câu (1đ)	2 câu (0.4đ)	5 câu TL (1đ) 1 bài viết (1đ)		2 câu (0.5)	2 câu (0.5đ) 1 bài viết (1đ)
Nói	2 đ		2 đ		2 đ		2 đ	

- Cấp Tiểu học (KT cuối kì)

Kĩ năng	Lớp 1,2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
	TN 6đ	TL 1đ	TN 5đ	TL 3đ	TN 5đ	TL 3đ	TN 3.5đ	TL 4đ
Nghe	20 câu (5đ)		12 câu (3đ)	4 câu (1đ)	10 câu (2.5đ)	3 câu (0.75đ)	7 câu (1.75đ)	3 câu (0.75đ)

Đọc	4 câu (1đ)		4 câu (1đ)	4 câu (1đ)	7 câu (1.75đ)	3 câu (0.75đ)	7 câu (1.75đ)	3 câu (0.75đ)
Viết		4 câu (1đ)	4 câu (1đ)	4 câu (1đ)	3 câu (0.75đ)	6 câu (1.5đ)		10 câu (2.5đ)
Nói	3đ		2đ		2đ		2.5đ	

2.5. Quy định số lượng đề, số lượng mã đề trong các kì KT định kì.

Cấp học	Số đề đưa vào ngân hàng	Số đề/ mã đề đưa vào KT	Qui định mã đề
TH	04 đề/môn (các câu hỏi không trùng nhau)	2 đề	Mã 001 (góc 1), 002 (góc 2), 003 (góc 3), 004 (đảo góc 1), 005 (đảo góc 2), 006 (đảo góc 3)....., 009 (đảo góc 3).
THCS	04 đề/môn Toán-Văn-Anh 03 đề/môn còn lại (các câu hỏi không trùng nhau)	3 đề/ 9 mã 2 đề/6 mã	
THPT	04 đề/môn (các câu hỏi không trùng nhau)	3 đề/ 9 mã	

2.6. Quy cách trình bày đề kiểm tra định kì (Phụ lục 02 – đính kèm)

- Phong chữ: Times New Roman.
- Cỡ chữ: 12 - 14, GV căn chỉnh cỡ chữ cho phù hợp với phương châm tiết kiệm và phù hợp với đặc thù môn học nhưng đạt hiệu quả cao.
- Căn lề đối với khổ giấy A4: lề trái từ 2-3cm, lề phải-trên-dưới từ 1-1.5cm.

2.7. Quy định thời gian đưa đề KT vào ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề

TT	Các kì KT	NH câu hỏi	NH đề
1	Giữa kì 1	Tuần 7	Tuần 10
2	Cuối kì 1	Tuần 15	Tuần 18
3	Giữa kì 2	Tuần 25	Tuần 28
4	Cuối kì 2	Tuần 32	Tuần 35

- Các kì thi thử TS vào lớp 10, TN THPT, khi xây dựng kế hoạch Tổ khảo thí sẽ quy định cụ thể về các mốc thời gian.

3. Công tác tổ chức các kì kiểm tra

3.1. CSVC, trang thiết bị, phô tô, đóng bì đề kiểm tra

- Địa điểm: kiểm tra 3 chung (trừ khối lớp 1,2,3): Sân tầng 5 nhà A, Hội trường nhà G, Giảng đường nhà E; kiểm tra 2 chung tại phòng học.

- Cơ sở vật chất: Trang bị đủ bàn viết (dạng bàn gập) trên sân tầng 5; kê ô trên sân và lập sơ đồ, ghi số thứ tự; trang bị đủ đèn, quạt; vệ sinh nền sân sạch sẽ.

- Phô tô đề: Tổ trưởng khảo thí chuyển đề kiểm tra chính thức cho bộ phận phô tô đề theo đúng số lượng HS tham gia kiểm tra (trước khi phô tô cần kiểm tra lại để đảm bảo đủ số lượng đề, số trang/đề, đề không có dấu hiệu bất thường).

- Đóng bì đề: Bộ phận phô tô, giáo vụ đóng đề theo từng phòng kiểm tra (đủ số lượng và sắp xếp xen kẽ lần lượt theo mã đề từ nhỏ đến lớn); ghi rõ tên môn kiểm tra và số lượng đề kiểm tra ngoài bì.

3.2. Coi kiểm tra

- PHT khảo thí chịu trách nhiệm tổ chức photo đề, đóng gói, làm phách, giao nhận bài đúng quy trình trong các kì kiểm tra và đảm bảo tuyệt đối tính bảo mật.

- Thư kí lập danh sách HS theo khối học; ghi thứ tự HS tương ứng theo sơ đồ tại nơi tổ chức kiểm tra và triển khai tới GVCN để hướng dẫn HS (đảm bảo 01 HS không lặp lại vị trí ngồi quá 2 lần/năm học); phân công GV coi kiểm tra, duyệt PHT khảo thí trước kì kiểm tra 05 ngày, đảm bảo tối thiểu 01 giáo viên/phòng.

- GV coi kiểm tra thực hiện nghiêm túc qui trình nhận và phát đề, thu bài (kiểm tra đủ thông tin của HS, mã đề trên tờ bài làm, nộp bài (kiểm đếm, ghi chính xác thông tin về số bài, số tờ của HS trên bì đựng bài), hoàn thành các biên bản theo qui định.

- Tổ văn phòng chịu trách nhiệm cơ sở vật chất, ấn phẩm cho kì kiểm tra; phối hợp tổ phục vụ đảm bảo trang bị đủ bàn viết (dạng bàn gấp) trên sân tầng 5 nhà A; kê ô trên sân và lập sơ đồ, ghi số thứ tự; trang bị đủ đèn, quạt; vệ sinh nền sân sạch sẽ.

3.3. Chấm bài kiểm tra – công bố kết quả

- Thực hiện theo qui trình: chấm TN – làm phách – chấm TL – vào phách – lên điểm

- Chấm bài:

+ Chấm trắc nghiệm: chấm tập trung tại địa điểm do tổ Khảo thí qui định, GV được phân công chấm hoàn thành trong vòng 24 giờ kể từ lúc thu bài của HS.

+ Làm phách: bộ phận làm phách nhận bài kiểm tra tự luận từ CVP, thực hiện đánh phách, rọc phách, đưa mã phách vào phiếu chấm theo từng môn học; chuyển phách và bài đã rọc phách về CVP.

+ Chấm tự luận: TT/NT chuyên môn nhận bài đã cắt phách từ văn phòng, giao giáo viên chấm (theo phân công như chấm TN), thu bài và phiếu chấm bàn giao lại cho CVP trong vòng tối đa 2 ngày (03 ngày đối với môn KT 100% tự luận).

- Vào phách, lên điểm và công bố kết quả kiểm tra: Tổ khảo thí tổ chức vào phách, lên điểm theo danh sách phòng kiểm tra và danh sách lớp, tổng hợp kết quả kiểm tra báo cáo Hiệu trưởng; công bố kết quả kiểm tra.

3.4. Kiểm tra xác suất việc vào phách, lên điểm

- TT tổ khảo thí cùng 02 thư kí trực tiếp kiểm tra xác suất việc ghi điểm vào phiếu chấm, ghép phách, lên điểm sau mỗi kì kiểm tra. Kiểm tra 3-5% tổng số bài kiểm tra/kì.

3.5. Chữa bài kiểm tra

- GVBM nhận kết quả kiểm tra từ Khảo thí, thông báo tới HS; tổ chức trả bài, chữa bài cho HS trong vòng 1 tuần sau khi thông báo điểm.

* Ghi chú:

- GVBM thống kê phổ điểm để tự rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học tiếp theo (thể hiện trong giáo án phân rút kinh nghiệm).

3.4. Xử lý kết quả bất thường (nếu có):

- HS làm đơn xin phúc khảo, GVBM tập hợp đơn chuyển TTCM trong vòng 01 tuần kể từ thời điểm tổ Khảo thí công bố kết quả.

- GVBM báo cáo TTCM nếu có trường hợp học sinh có kết quả kiểm tra bất thường hoặc phổ điểm của lớp bất thường.

- TTCM chuyển đơn xin phúc khảo của HS và báo cáo những trường hợp kết quả bất thường (nếu có) về PHT khảo thí trong vòng 01 tuần kể từ khi tổ Khảo thí công bố KQ kiểm tra.

- TT khảo thí tổ chức phúc khảo điểm kiểm tra (theo đơn của HS) và công bố kết quả phúc khảo; phối hợp PHT phụ trách cấp học xem xét, xin ý kiến Hiệu trưởng về việc tổ chức kiểm tra lại đối với những trường hợp kết quả kiểm tra bất thường (nếu có).

3.6. Công tác lưu đề, bài kiểm tra

- Lưu đề: TT khảo thí giao đề gốc cho VP lưu ngay sau đợt kiểm tra. VP chịu trách nhiệm nhận và lưu giữ đề 01 năm; Đề kiểm tra thường xuyên GVBM lưu tại KH bài học.

- Lưu bài:

KTTX: GVBM lưu 01 năm.

KTĐK:

+ GV thu lại bài kiểm tra của HS và nộp về tổ/nhóm chuyên môn sau khi cho HS xem bài và chữa bài (trong vòng 1 tuần sau khi công bố KQ kiểm tra).

+ TT/NTCM thu và nộp bài kiểm tra về VP theo môn học.

+ VP lập biên bản nhận và lưu giữ bài kiểm tra (01 năm)

III. Các nội dung kiểm tra, đánh giá khác

1. Chuyển đổi môn học:

- Thực hiện đánh giá đối với học sinh chuyển đổi môn học theo hướng dẫn tại CV 68/BGD&ĐT-GDTrH ngày 06/01/2023 và CV 1391/SGD&ĐT-GDPT ngày 06/6/2023.

2. KT, ĐG lại:

- Thực hiện KT, ĐG lại theo quy định tại Điều 13 và Điều 14, Thông tư 22/2021/TT-BGD&ĐT.

+ Trường hợp rèn luyện trong kì nghỉ hè: Hình thức rèn luyện do Hiệu trưởng qui định (học tập các nội qui, qui định của nhà trường; học và thực hiện Luật Giao thông, Luật phòng chống bạo lực học đường...); Căn cứ vào hình thức rèn luyện trong kì nghỉ hè, GVCN giao nhiệm vụ rèn luyện trong kì nghỉ hè cho HS và thông báo đến CMHS. Cuối kì nghỉ hè, nếu nhiệm vụ rèn luyện được GVCN đánh giá đã hoàn thành (có báo cáo về quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ rèn luyện có chữ kí xác nhận của CMHS) thì GVCN đề nghị Hiệu trưởng cho đánh giá lại kết quả rèn luyện cả năm học của học sinh.

+ Trường hợp KT, ĐG lại các môn học trong kì nghỉ hè: HS chủ động ôn tập, củng cố kiến thức môn học; nhà trường tổ chức ôn tập cho HS 03 buổi/môn không thu tiền trước khi tổ chức kiểm tra lại.

- Sử dụng kết quả KT, ĐG lại để xét lên lớp theo qui định tại Điều 12, Thông tư 22/2021/TT-BGD&ĐT.

3. Thi thử TN THPT và Tuyển sinh vào lớp 10

- Nhà trường có kế hoạch riêng đối với từng kì kiểm tra.

- Dự kiến lịch kiểm tra:

Kì thi	Lần 1	Lần 2	Lần 3
TN THPT	12/2023	02/2024	5/2024
TS vào 10	01/2024	3/2024	5/2024

4. Kiểm tra đầu vào

- Kiểm tra đầu vào các lớp đầu cấp và giữa cấp: Có KH riêng (*KH tuyển sinh năm học 2024 -2025*)

- Năm học 2023 – 2024: kiểm tra đầu vào các lớp giữa cấp được thực hiện vào đầu học kì II hoặc khi có trường hợp đặc biệt do CT hội đồng trường và Hiệu trưởng quyết định.

C. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng

- Ra quyết định thành lập tổ Khảo thí và Kiểm định chất lượng GD.

- Chỉ đạo hoạt động của Tổ khảo thí trong các kì kiểm tra, các kì thi thử.

2. Phó Hiệu trưởng

2.1. PHT phụ trách công tác khảo thí

- Ra quyết định thành lập và chỉ đạo hoạt động các khâu: ra đề/ coi KT/chấm KT/ làm phách/lên điểm.

- Chịu trách nhiệm tổ chức các kì kiểm tra, các kì thi thử trong năm học.

- Thực hiện việc báo cáo định kì tới Hiệu trưởng (lên lịch tuần trước khi tổ chức kiểm tra định kì; báo cáo kết quả các bài kiểm tra định kì) và báo cáo đột xuất để xin ý kiến chỉ đạo khi có sự việc bất thường.

2.2. PHT phụ trách cấp học

- Chỉ đạo công tác ôn tập trước mỗi kì KT định kì.

- Quản lí điểm các bộ môn thuộc cấp học (quản lí điểm KTTX, KTĐK; kiểm tra việc thực hiện của GVBM về việc KT, ĐG TX và ĐK; kiểm tra việc GVBM hoàn thành việc nhập kết quả kiểm tra, đánh giá HS lên phần mềm quản lí/ SMAS).

- Trao đổi, đề xuất các nội dung chuyên môn (nếu có) để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá học sinh.

3. Văn phòng:

- Cập nhật danh sách học sinh chuẩn theo từng lớp, khối lớp để sẵn sàng cho phương án kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến.

- Lưu hồ sơ sau mỗi kì KT.

3. Các tổ, nhóm chuyên môn

- Triển khai và thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch và theo đúng quy chế hoạt động của tổ khảo thí. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc xin ý kiến chỉ đạo của BLĐ để điều chỉnh cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo (chỉ đạo t/h);

- Tổ Khảo thí (tổ chức t/h);

- Tổ, nhóm CM, GV (t/h);

- Lưu VP.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Bích Huệ

